

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƯ THANH
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 09/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ THANH, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Tân

2. Ông Vũ Ngọc Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 6 xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thăng T, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn 6 xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa.

Chị Hoàng Thị G và anh Nguyễn Thăng T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/5/2020 và lời khai ngày 28/5/2020 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thăng T kết hôn trên cơ sở tự nguyện; đến ngày 22/4/2019 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến tháng 8/2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do: Quan điểm sống khác biệt, anh T không yêu thương, quan tâm đến chị, thường xuyên uống rượu về khuya, khi chị nhắc nhở, khuyên can thì chửi mắng và đánh chị. Ngoài ra, vợ, chồng xích mích về vấn đề kinh tế trong gia đình, dẫn đến cuộc sống hay xảy ra xung đột, cãi

vã. Mâu thuẫn vợ chồng của chị với anh T đã được gia đình hai bên nhiều lần hòa giải nhưng không có kết quả. Xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung thực tế đã không còn, nên chị G đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Hoàng Thị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị G đề nghị được chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Kèm theo đơn khởi kiện và bản tự khai, chị Hoàng Thị G còn nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhân kết hôn; Giấy chứng minh nhân dân của anh T, Căn cước công dân của chị G và sổ hộ khẩu gia đình (bản sao có chứng thực); Giấy xin xác nhận nơi cư trú của bị đơn; Biên lai thu tiền tạm ứng án phí;

Sau khi nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Hoàng Thị G đã viết đơn xin xét xử vắng mặt.

* *Về Bị đơn anh Nguyễn Thăng T:* Tại văn bản ghi lời khai ngày 04/6/2020 anh trình bày:

Về hôn nhân: Anh đồng ý thống nhất với ý kiến của chị Hoàng Thị G về thời gian, điều kiện kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị G có đơn xin ly hôn, anh T xác định tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên anh cũng thống nhất đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh và chị Hoàng Thị G không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này, quá trình giải quyết anh Nguyễn Thăng T đã được nhận Thông báo thụ lý vụ án, trình bày lời khai của mình. Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ để Tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tuy nhiên anh T cố tình không tham gia nên Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/9/2020 và tổng đạt hợp lệ cho anh T; ngày 22/9/2020 anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt với lý do công việc bận nên không thể tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho chị Hoàng Thị G và anh Nguyễn Thăng T các văn bản tố tụng của Tòa án, chị G và anh T đều có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt chị G, anh T.

[2] Thẩm quyền giải quyết: Đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn đã làm đúng theo mẫu quy định, nội dung khởi kiện xin ly hôn phù hợp với khoản 1 điều 28 của BLTTDS; Bị đơn có nơi cư trú tại địa bàn huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Như Thanh theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 của BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị G và anh Nguyễn Thăng T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã Xuân D, huyện Như T, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 22/4/2019. Vì vậy, hôn nhân giữa chị G và anh T từ ngày 22/4/2019 đến nay là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại điều 9 luật HNGĐ năm 2014. Trong thời gian sống chung, chị G, anh T có tính cách, quan điểm sống khác nhau, anh T thường hay say rượu và xúc phạm, hành hung chị G từ đó mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên ngày càng trầm trọng, chị G đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8/2019 chứng tỏ đời sống hôn nhân thực tế đã không còn. Gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không có kết quả, chị G và anh T cũng không muốn đoàn tụ. Nay chị G có đơn ly hôn HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện và cho chị G được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] Về con chung: Chị G, anh T thống nhất không có con chung nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Chị G, anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS ; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hoàng Thị G phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271; 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ: khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị G được ly hôn anh Nguyễn Thăng T.

Về án phí: Chị Hoàng Thị G phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Thanh, theo biên lai thu số AA/2018/0006387 ngày 28/5/2020. (Chị G đã nộp đủ tiền án phí).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Như Thanh;
- UBND xã Xuân Du;
- TAND Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện Như Thanh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Văn Quân